

Bản án số: 42/2023/DS - ST.

Ngày: 20 - 7 - 2023.

V/v “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Nguyễn Kim Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST - DS, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST - DS, ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Hoa P, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà X, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P trình bày: Bà Huỳnh Hoa P và bà Huỳnh Thị M có tham gia hợp đồng góp hội với nhau, bà M là chủ hội, bà P là hội viên, thời gian cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Thị M làm chủ hội, bà Huỳnh Hoa P là hội viên có tham gia 05 phần hội mở ngày 15/10/2019 âm lịch, 01 tháng mở hội một lần, đây hội có 36 phần, hội giá 1.000.000 đồng, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng số tiền là 500.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hội sẽ giao tiền cho hội viên lĩnh hội, bà M có lập Tờ giấy hội “HUI 1.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 15 tháng 10 năm 2019” giao cho hội viên. Sau khi tham gia bà P hốt 04 phần: Hốt phần thứ

01 ngày 15/7/2020 với giá ra là 360.000 đồng và hốt được số tiền 26.500.000 đồng; Hốt phần thứ 02 ngày 15/01/2022 với giá ra là 450.000 đồng và hốt được số tiền 30.900.000 đồng; Hốt phần thứ 03 ngày 15/2/2022 với giá ra là 460.000 đồng và hốt được số tiền 27.200.000 đồng; Hốt phần thứ 04 ngày 15/4/2022 với giá ra là 720.000 đồng và hốt được số tiền 26.620.000 đồng. Sau đó đóng hụi chết lại còn nợ hụi chết 04 lần với số tiền 04 phần là 16.000.000 đồng. Còn một phần hụi sống đóng được 27 lần với số tiền 27.000.000 đồng trừ đầu thảo 500.000 đồng còn lại 26.500.000 đồng thì bà M không cho bà hốt hụi nên bà ngừng không chơi nữa nên trừ hụi chết thì bà M còn thiếu bà P 10.500.000 đồng,

Ngoài ra, bà Huỳnh Thị M làm chủ hụi, bà Huỳnh Hoa P là hụi viên có tham gia 03 phần hụi mở ngày 30/10/2020 âm lịch, 01 tháng mở hụi một lần, dây hụi có 36 phần, hụi giá 2.000.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà M hưởng hoa hồng số tiền là 1.000.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hụi và các hụi viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hụi sẽ giao tiền cho hụi viên lĩnh hụi, bà M có lập Tờ giấy hụi “HUI 2.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 30 tháng 10 năm 2020” giao cho hụi viên. Sau khi tham gia bà P hốt 01 phần tại kỳ thứ 17 vào ngày 30/01/2022 âm lịch với giá ra là 750.000 đồng và hốt được số tiền 53.250.000 đồng còn đóng lại hụi chết 19 lần với số tiền 38.000.000 đồng. Còn 02 phần đóng hụi sống được 17 lần với số tiền 68.000.000 đồng thì bà M không cho bà hốt hụi nên bà ngừng không chơi nữa. nên trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng và trừ hụi chết thì bà M còn thiếu bà P 28.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị M hoàn trả số tiền hụi là 38.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Hoa P có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau, bà M là chủ hụi, bà P là hụi viên, thời gian cụ thể như sau: Vào ngày 15 tháng 10 năm 2019, bà M làm chủ hụi dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, tổng cộng 36 phần, mỗi kỳ mở hụi bà M được hưởng hoa hồng số tiền 500.000 đồng, bà Huỳnh Hoa P có tham gia 05 phần, ghi tên 7 Nhứt 5 phần. Sau khi tham gia thì bà P đã hốt 04 phần hụi: Phần thứ 01 ngày 15/7/2020 với giá ra là 360.000 đồng và hốt được số tiền 26.500.000 đồng; phần thứ 02 ngày 15/01/2022 với giá ra là 450.000 đồng và hốt được số tiền 30.900.000 đồng; phần thứ 03 ngày 15/2/2022 với giá ra là 460.000 đồng và hốt được số tiền 27.200.000 đồng; phần thứ 04 ngày 15/4/2022 với giá ra là 720.000 đồng và hốt được số tiền 26.620.000 đồng. Do bà P đã hốt hụi chết nhiều nên còn 1 phần sống đóng 31 lần số tiền đã đóng 18.015.000 đồng bà M không cho hốt thì bà P ngừng đóng ngày 15/5/2022, bà P còn đóng 04 lần nữa mới mãn 04 phần chết với số tiền 16.000.000 đồng. Vậy trừ phần hụi sống bà P đã đóng thì bà M còn thiếu bà P 2.015.000 đồng.

Ngoài ra bà M còn làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, ngày 30/10/2020, tổng cộng 36 phần, bà P có vô 03 phần, bà P hốt 01 phần vào kỳ thứ 17 vào ngày 30/01/2022 âm lịch với giá ra là 750.000 đồng và hốt được số tiền 53.250.000 đồng còn đóng lại hụi chết 19 lần với số tiền 38.000.000

đồng do bà P mới hốt một phần hui nên còn hai phần hui sống đóng đến lần thứ 17 bà M không cho bà P bỏ hui hốt mà để đến gần cuối mới cho hốt thì bà P ngừng đóng còn 02 chung hui sống đóng số tiền 39.840.000 đồng. Như vậy, trừ hui chết bà M còn thiếu bà P số 1.840.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P vì bà chỉ còn nợ bà P số tiền 3.855.000 đồng.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hui là 38.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui với bị đơn là bà Huỳnh Thị M. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Huỳnh Thị M hiện cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà P yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị M hoàn trả số tiền hui là 38.500.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P và bị đơn bà M đều thống nhất xác định bà M làm chủ hội, bà Huỳnh Hoa P là hội viên có tham gia các phần hội vào các thời gian cụ thể như sau: Dây hội ngày 15/10/2019 âm lịch, 01 tháng mở hội một lần, dây hội có 36 phần, hội giá 1.000.000 đồng, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng số tiền là 500.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hội sẽ giao tiền cho hội viên lĩnh hội, bà M có lập Tờ giấy hội “HỘI 1.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 15 tháng 10 năm 2019” giao cho hội viên. Bà P tham gia 05 phần đã hót 04 phần hội còn nợ hội chết 04 lần hội là 16.000.000 đồng, còn 01 phần hội sống bà đã đóng được 27 lần. Lý do ngừng hội là do bà M không cho bà P bỏ hội hót nên bà P ngừng hội.

Dây hội ngày 30/10/2020 âm lịch, 01 tháng mở hội một lần, dây hội có 36 phần, hội giá 2.000.000 đồng, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng số tiền là 1.000.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hội sẽ giao tiền cho hội viên lĩnh hội, bà M có lập Tờ giấy hội “HỘI 2.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 30 tháng 10 năm 2020” giao cho hội viên. Bà P tham gia 03 phần đã hót 01 phần hội còn nợ hội chết 19 lần hội là 38.000.000 đồng, còn 02 phần hội sống bà đã đóng được 17 lần. Lý do ngừng hội là do bà M không cho bà P bỏ hội hót nên bà P ngừng hội. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng góp hội giữa bà P và bà M là có thật.

Phía nguyên đơn bà P cho rằng: Đối với dây hội ngày 15/10/2019 âm lịch bà P yêu cầu bà M trả cho bà P số tiền 01 hội đã đóng 31 lần là 31.000.000 đồng trừ đầu thảo 500.000 đồng và 05 phần hội chết còn lại 10.500.000 đồng. Dây hội ngày 30/10/2020 âm lịch sau khi tham gia bà P hót 01 phần vào kỳ thứ 17 vào ngày 30/01/2022 âm lịch với giá ra là 750.000 đồng và hót được số tiền 53.250.000 đồng còn đóng lại hội chết 19 lần với số tiền 38.000.000 đồng. Còn 02 phần đóng hội sống được 17 lần với số tiền 68.000.000 đồng thì bà M không cho bà hót hội nên bà ngừng không chơi nữa nên trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng và trừ hội chết thì bà M còn thiếu bà P 28.000.000 đồng.

Phía bị đơn bà M cho rằng: Đối với dây hội ngày 15/10/2019 âm lịch còn 01 phần sống bà P đóng 27 lần số tiền đã đóng 18.015.000 đồng và trừ phần hội chết 04 lần là 16.000.000 đồng nên bà M còn thiếu bà P 2.015.000 đồng. Đối với dây hội ngày 30/10/2020 âm lịch sau khi tham gia bà P hót 01 phần còn đóng lại hội chết 19 lần với số tiền 38.000.000 đồng, còn hai phần hội sống đóng đến lần thứ 17 thì ngừng đóng do bà M không cho hót hội mà để đến gần cuối mới hót. 02 chung hội sống đóng số tiền 39.840.000 đồng. Như vậy, trừ hội chết bà M còn thiếu bà P số 1.840.000 đồng. Xét lời trình bày của bà P và bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà M thừa nhận bà P đã đóng hội cho bà được đôi với dây hội ngày 15/10/2019 âm lịch còn 01 phần sống bà P đóng 27 lần thì bà M không cho bỏ hội hót nên ngừng đóng và Đối với dây hội ngày 30/10/2020

âm lịch bà M thừa nhận bà P còn hai phần hui sống đóng đến lần thứ 17, bà M không cho bỏ hui hốt nên ngừng đóng hui.

Ngoài ra, trong dây hui này bà P là hui viên, bà M là chủ hui nên bà P có nghĩa vụ đóng hui và có quyền hốt hui còn bà M có nghĩa vụ góp hui giao cho người hốt hui và hưởng hoa hồng nên việc bà M không cho bà P hốt hui là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên được quy định tại Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường. Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị M hoàn trả số tiền hui còn nợ là 38.500.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về hợp đồng góp hui giữa bà P và bà M thì tại thời điểm hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà M phải trả lãi cho bà P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Đối với việc bà M cho rằng bà P chơi hui dùm bà Hai Cường 02 phần hui và đã hốt, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà M không yêu cầu đối với hai phần hui này nên sẽ được xem xét bằng một vụ án khác nếu sau này bà M có yêu cầu.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị M phải chịu 1.925.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 280, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P số tiền hụi là 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Huỳnh Hoa P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị M phải trả lãi cho bà Huỳnh Hoa P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị M phải chịu 1.925.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh